

Bản án số: 05/2023/HS-ST

Ngày: 05-01-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG 10 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN 9 PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-9 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông .. và ông ..

-Thư ký phiên tòa: Ông .. – Thư ký Tòa án nhân dân 9 phố Đồng Xoài

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ch -
Kiểm sát viên***

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: D (tên gọi khác: Không), sinh năm .., tại Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú .., huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Sán Dìu; 7 tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Tr, sinh năm 19.. và bà N., sinh năm ..; Có vợ: Ng, sinh năm .. và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 cho đến ngày 24/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông C, sinh năm 1997; địa chỉ nơi cư trú: xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

2. Ông Kh (tên gọi khác: ..), sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: ..., 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

3. Bà L, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố 4, phường Tân Đồng, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

4. Ông Q, sinh năm 1978; địa chỉ nơi cư trú:,,, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

5. Bà Th, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú: , 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

6. Bà N, sinh năm 1992; địa chỉ nơi cư trú: 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

7. Ông 7, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: phường Tân Phú, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 4, khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiện, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

8. Ông 8, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

9. Ông 9, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân 9, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

10. Ông 10, sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú: , 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, có mặt.

11. Bà 11, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4 năm 2021, D cùng với vợ, con từ tỉnh Đắc Nông xuống thuê trọ tại khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để bán cá lóc nướng. Đến khoảng tháng 11 năm 2021, D thấy việc cho vay tiền lấy lãi suất cao có thể kiếm thêm tiền nên bắt đầu hoạt động cho vay tiền lấy lãi. D in các tờ quảng cáo có nội dung cho vay tiền và số điện thoại 0854.339.286 (để những người có nhu cầu vay tiền liên lạc) rồi phát ở khu vực xung quanh 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Khi người muốn vay tiền gọi điện thoại cho D thì D sẽ đi xem để biết nhà và giữ chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu photo của người vay tiền. Căn cứ vào nhu cầu của người vay, D sẽ cho vay với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng. Đến thời hạn đóng tiền, người vay tiền sẽ chuyển khoản vào số tài khoản 6792345678999 của D hoặc D trực tiếp đi gặp người vay để lấy tiền. Trong quá trình hoạt động cho vay, D cho vay dưới hai hình thức là cho vay góp có nghĩa người vay đóng tiền lãi và tiền gốc theo ngày với thời gian đóng quy định là 24 ngày, số tiền đóng hàng ngày tùy thuộc vào số tiền vay. Nếu vay 2.000.000 đồng thì ngày đóng (góp) 100.000 đồng, vay 3.000.000 đồng thì ngày đóng (góp) 150.000 đồng và cứ thế nhân lên. Nếu cho vay đúng là người vay sẽ trả lãi theo gói vay với lãi suất từ 8.000 đồng đến 10.000đồng/1 ngày/1.000.000 đồng, 10 ngày sẽ đóng lãi 01 lần. Do vậy lãi suất mà D cho vay dao động từ 292% đến 405,56%/năm. Quá trình cho vay, người vay góp đóng đủ 24 ngày thì có thể đáo hạn lại gói vay hoặc chưa đóng đủ 24 ngày thì vẫn đáo hạn gói vay mới được, nhưng phải trừ lại tiền số ngày còn thiếu của gói vay cũ. Khi cho vay thì D và người vay không làm hợp đồng gì, mà chỉ tính tiền lệ phí bằng số tiền góp một ngày của gói vay và thưởng thì D sẽ lấy trước tiền của một ngày. Đối với vay lãi đúng thì tiền lệ phí là từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng tùy vào số tiền vay.

Ngày 14/6/2022, D bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an 9 phố Đồng Xoài ra lệnh giữ khẩn cấp và khám xét khẩn cấp. Quá trình điều tra, xác định D cho 10 người vay, cụ thể như sau:

**Với hình thức cho vay góp:*

Tháng 5 năm 2022, D cho Kh vay số tiền 21.000.000 đồng. Kh đã đóng tiền lãi là 2.550.000 đồng, tiền phí hồ sơ 1.050.000 đồng, trả tiền gốc 12.750.000 đồng còn nợ 8.250.000 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 2.012.654 đồng.

Từ ngày 27/4/2022 đến ngày 11/5/2022, D cho L vay số tiền 50.000.000 đồng. Lý đã đóng tiền lãi là 10.000.000 đồng, tiền phí hồ sơ 2.500.000 đồng, đã trả hết tiền gốc. Thu lợi bất chính với số tiền: 11.842.466 đồng.

Năm 2022, D cho Q vay số tiền 30.000.000 đồng. Q đã đóng tiền lãi là 4.166.667 đồng, tiền phí hồ sơ 1.500.000 đồng, đã trả tiền gốc 20.833.333 đồng còn nợ 9.166.667 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 5.392.694 đồng.

Ngày 27/5/2022, D cho Th vay số tiền 10.000.000 đồng. Thu đã đóng tiền lãi là 1.500.000 đồng, tiền phí hồ sơ 500.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.500.000 đồng còn nợ 2.500.000 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 1.901.370 đồng.

Từ ngày 17/5/2022 đến ngày 05/6/2022, D cho N vay số tiền 40.000.000 đồng. Dân đã đóng tiền lãi là 5.500.000 đồng, tiền phí hồ sơ 2.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 27.500.000 đồng, còn nợ 12.500.000 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 7.138.356 đồng.

Từ ngày 21/5/2022 đến ngày 06/6/2022, D cho 7 vay số tiền 9.000.000 đồng. Q đã đóng tiền lãi là 1.200.000 đồng, tiền phí hồ sơ 450.000 đồng, đã trả tiền gốc 6.000.000 đồng còn nợ 3.000.000 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 1.571.096 đồng.

Từ ngày 13/4/2022 đến ngày 01/5/2022, D cho 8 vay số tiền 40.000.000 đồng. 8 đã đóng tiền lãi là 5.666.667 đồng, tiền phí hồ sơ 2.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 28.333.333 đồng, còn nợ 11.666.667 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 7.294.064 đồng.

Từ tháng 5/2022 đến ngày 08/6/2022, D cho 9 vay số tiền 20.000.000 đồng. 9 đã đóng tiền lãi là 2.833.333 đồng, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng, tiền gốc đã trả 14.166.667 đồng, còn nợ 5.833.333 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 3.647.033 đồng.

**Với hình thức cho vay lãi đứng:*

Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 12/4/2022, D cho C vay số tiền là 621.000.000 đồng. C đã đóng 40.680.000 đồng, tiền phí hồ sơ là 9.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 471.000.000 đồng còn nợ 150.000.000 đồng. Thu lợi bất chính với tổng số tiền: 46.951.233 đồng.

Tháng 12 năm 2021, D cho 10 vay số tiền 25.000.000 đồng. 10 đã đóng tiền lãi là 25.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 25.000.000 đồng. Thu lợi bất chính với số tiền: 23.630.137 đồng.

Như vậy, D cho 10 người với 28 lượt vay tổng số tiền là 866.000.000 đồng với lãi suất từ 292% đến 405,56%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 112.800.776 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của 8 luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của 8 luật Hình sự, xử phạt bị cáo D mức án tù 09-12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng; xử phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30 đến 50 triệu đồng.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của 8 luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của 8 luật dân sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc cho vay theo lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa; lãi suất tương ứng 20%/năm đã nhận của người vay và tiền phí khác (nếu có) để sung công quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (trên 20%) đã nhận và buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn lại số tiền nợ gốc còn lại đã vay của các bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu hồng có gắn 02 sim: 0854.339.286 và 0383.923.067; 01 điện thoại Iphone 12 màu đen, số sim: 0366.067.067; Trả lại cho bị cáo 01 CMND số: 245234706, 01 CCCD số: 022094008395 mang tên Trương Văn D; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, không có gắn sim; Đề nghị quản thủ số tiền 30.024.823 đồng trong tài khoản của bị cáo D để đảm bảo thi hành án; Lưu theo hồ sơ vụ án 01 bản phô tô CMND số 285346869 mang tên 9, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu số 100163409 do Phạm Văn Long, sinh năm 1963, nơi thường trú ấp 6, xã Tân 9, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ hộ.

Bị cáo D tại phiên tòa đã khai nhận toàn 8 hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của 8 luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về cách thức cho vay, số tiền vay; phù hợp với biên bản thu giữ tài liệu, biên bản khám xét nơi ở; biên bản đối chiếu, tính toán số tiền cho vay, lãi suất cho vay, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức cho vay góp (vay bát họ) trả theo ngày và vay tín chấp (vay đứng), tháng 11/2021 Dìn các tờ quảng cáo có nội dung cho vay tiền và số điện thoại 0854.339.286 phát ở khu vực xung quanh 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, khi người muốn vay tiền gọi điện thoại cho D thì D đi xem nhà để biết nơi ở và giữ chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu photo của người vay tiền, đến thời hạn đóng tiền, người vay tiền sẽ chuyển khoản vào số tài khoản 6792345678999 của D hoặc D trực tiếp đi gặp người vay để lấy tiền.

Trong thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến ngày 06/6/2022, D đã sử dụng tổng số tiền 866.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) để cho vay 28 lần, trong đó cho vay góp với tổng số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) cho 08 người vay gồm Trần Hữu Kh, L, Q, Th, N, 7, 8 và 9 với lãi suất 304,17%; Sử dụng số tiền 646.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng*) cho C và 10 vay đứng với lãi suất từ 292% đến 405,56%/năm. Số tiền thu lợi bất chính với tổng là 112.800.776 đồng (*Một trăm mười hai triệu tám trăm nghìn, bảy trăm bảy sáu đồng*).

Căn cứ vào hành vi D thực hiện đủ yếu tố cấu 9 tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của 8 luật hình sự. Số tiền D thu lợi bất chính là 112.800.776 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài truy tố bị cáo theo khung hình phạt tại khoản 2 Điều 201 của 8 luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã 9 niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn nhận thức được việc cho người khác vay với lãi suất cao gấp 5 lần so với lãi suất quy định của Nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do háo lợi, muốn thu về với mức lãi suất cao để hưởng lợi bất chính nên cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội trong hoạt động tín dụng, đẩy người đi vay càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn khi phải trả mức lãi cao, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Trong vụ án, bị cáo một mình trực tiếp thực hiện việc cho vay, thu lãi, do đó cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng: Mặc dù bị cáo cho vay nhiều lần nhưng mỗi lần số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30 triệu nên không áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của 8 luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa D9 khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của 8 luật Hình sự.

Xét thấy, D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 của 8 luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm người lương thiện.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với D theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của 8 luật hình sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Đối với 11 là vợ của bị cáo D nhưng không biết việc bị cáo D thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và không giúp sức gì cho D nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với một số người vay tiền của bị cáo D như ông Đ, bà U, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an 9 phố Đồng Xoài chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên cần tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với việc bị cáo D khai nhận có dùng số tài khoản 6792345678999 của Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) để chuyển tiền vay mượn làm ăn qua lại với M, N, V. Tuy nhiên đây là giao dịch dân sự giữa các bên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa D xác định trong khoảng thời gian tháng 12/2021 đến tháng 6/2022 bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 425.000.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo đã cho ông 10 và ông C vay với hình thức vay đúng từ tháng 12/2021 đến 12/4/2022, chia làm nhiều lần vay với tổng số tiền là 646.000.000 đồng, trong đó có nhiều khoản vay đã trả xong sau đó vay lại (như: khoản vay ngày 28/02/2022: 09 triệu, khoản vay ngày 03/3/2022: 62 triệu và khoản vay ngày 14/3/2022: 270 triệu nên dùng khoản tiền này tiếp tục cho vay những lần sau). Cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi về trong khoảng thời gian từ 13/4 đến 08/6/2022 bị cáo tiếp tục cho nhiều người vay với hình thức vay góp, tổng số tiền là 220.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại.

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của 8 luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay; khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của 8 luật dân sự (20%/năm) và tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay được xác định là các khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc người vay còn nợ lại cần buộc người vay nộp sung vào ngân sách Nhà nước. Như vậy tổng số tiền vốn gốc ban đầu của D là 425.000.000 đồng, bị cáo cho nhiều người vay, thu về và cho vay lại, nhưng hiện tại số tiền người vay còn nợ lại tổng cộng là 225.416.667

đồng, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 199.583.333 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của 8 luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của ông Kh: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Kh là 3.967.671 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D phải trả lại cho ông Kh số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 2.382.329 đồng. Ông Kh nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 5.750.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

-Đối với khoản vay bà L: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà Lý là 3.157.534 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho bà Lý số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 9.342.466 đồng.

-Đối với khoản vay ông Q: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Q là 2.694.977 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông Q số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 3.892.694 đồng. Ông Q nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 9.166.667 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay bà Th: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà Thu là 8.098.630 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho bà Thu số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.401.370 đồng. Bà Thu nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 2.500.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay bà N: D phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà Dân là 9.861.644 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho bà Dân số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 5.138.356 đồng. Bà Dân nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 12.500.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay ông 7: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông 7 là 1.528.904 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông 7 số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.121.096 đồng. Ông 7 nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 3.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay ông 8: Dphải nộp lại tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông 8 là 10.705.936 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông 8 số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 5.294.064 đồng. Ông 8 nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 11.666.667 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay ông 9: Dphải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông 9 là 5.352.968 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông 9 số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là

2.647.033 đồng. Ông 9 nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 5.833.333 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay ông C: D phải nộp lại số tiền theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông C là 11.728.767 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông C số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 37.951.233 đồng. Ông C nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 150.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay ông 10: D phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông 10 là 1.369.863 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo D trả lại cho ông 10 số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 23.630.137 đồng. Ông 10 nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

=> Như vậy, tổng số tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ là 58.466.894 đồng; Tổng số tiền bị cáo D phải trả lại cho những người vay là 92.800.778 đồng; Tổng số tiền những người vay phải nộp lại là 225.416.667 đồng

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu hồng có gắn 02 sim: 0854.339.286 và 0383.923.067; 01 điện thoại Iphone 12 màu đen, số sim: 0366.067.067, đây là công cụ, phương tiện được bị cáo D liên lạc việc cho vay và đăng nhập tài khoản ngân hàng rút tiền, chuyển tiền nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 CMND số: 245234706 và 01 CCCD số: 022094008395 mang tên Trương Văn D; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, không có gắn sim, đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 bản photo CMND số 285346869 mang tên 9; 01 bản photo sổ hộ khẩu số 100163409 đứng tên chủ hộ là ... , sinh năm 1963, nơi thường trú.....phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, đây là chứng cứ tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

-Đối với số tiền 30.024.823 đồng trong tài khoản của D đang niêm phong tại Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Bình Phước (MB Bank), đây là tiền bị cáo dùng để rút chuyển tiền khi cho khách vay nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân 9 phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

*Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của 8 luật Hình sự, xử phạt D01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo Dcho Ủy ban nhân dân xã huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của 8 luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp D vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

*Áp dụng khoản 3 Điều 201 của 8 luật Hình sự:

Tuyên phạt bổ sung D số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của 8 luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của 8 luật dân sự năm 2015:

- Buộc D phải nộp lại số tiền gốc là 199.583.333 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*); tiền lãi theo quy định (không quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 58.466.894 đồng (*Năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm chín bốn đồng*), tổng cộng là: 258.050.227 (*Hai trăm năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn hai trăm hai bảy đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc D phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%), tổng là 92.800.778 đồng (*Chín mươi hai triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy tám đồng*). Cụ thể, trả cho những người vay có tên sau:

+ Ông Trần Hữu Kh: 2.382.329 đồng (*Hai triệu ba trăm tám hai nghìn ba trăm hai chín đồng*).

+ Bà L: 9.342.466 đồng (*Chín triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng*).

+ Ông Q: 3.892.694 đồng (*Ba triệu tám trăm chín hai nghìn sáu trăm chín bốn đồng*).

+ Bà Th: 1.401.370 đồng (*Một triệu bốn trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

+ Bà N: 5.138.356 đồng (*Năm triệu một trăm ba tám nghìn ba trăm năm sáu đồng*).

+ Ông 7: 1.121.096 đồng (*Một triệu một trăm hai mốt nghìn không trăm chín sáu đồng*).

+ Ông 8: 5.294.064 đồng (*Năm triệu hai trăm chín bốn nghìn không trăm sáu bốn đồng*).

+ Ông 9: 2.647.033 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn bảy nghìn không trăm ba mươi ba đồng*).

+ Ông C: 37.951.233 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm năm một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

+ Ông 10: 23.630.137 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba bảy đồng).

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc mà D đã cho vay nhưng tại thời điểm xét xử những người vay chưa trả cho Trương Văn D, tổng là 225.416.667 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu bảy đồng) để sung nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể những người có tên sau:

+ Ông Kh nộp lại số tiền 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ông Q nộp lại số tiền 9.166.667 đồng (Chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Bà Th nộp lại số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

+ Bà N nộp lại số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)

+ Ông 7 nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

+ Ông 8 nộp lại số tiền 11.666.667 đồng (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Ông 9 nộp lại số tiền 5.833.333 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

+ Ông C nộp lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

+ Ông 10 nộp lại số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của 8 luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của 8 luật Hình sự, Điều 106 của 8 luật Tố tụng hình sự:

Tuyên:

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu hồng và 01 điện thoại Iphone 12 màu đen.

- Trả lại cho D01 chứng minh nhân dân số 245234706 và 01 căn cước công dân số 022094008395 mang tên Trương Văn D; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, không có gắn sim.

- Chi Cục thi hành án dân sự 9 phố Đồng Xoài có trách nhiệm bàn giao các tài liệu cho Tòa án nhân dân 9 phố Đồng Xoài để lưu theo hồ sơ vụ án gồm: 01 CMND số 285346869 mang tên 9 (bản photô); 01 sổ hộ khẩu số 100163409, chủ hộ Phạm Văn Long, sinh năm 1963, nơi thường trú ấp 6, xã Tân 9, 9 phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (bản photô).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002058, quyển số 0042, ký hiệu D47/2017 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự 9 phố Đồng Xoài).

- Yêu cầu Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) mở phong tỏa tài khoản thanh toán số 6792345678999 và chuyển số tiền 30.024.823 đồng *(Ba mươi triệu không trăm hai bốn nghìn tám trăm hai ba đồng)* đến tài khoản số 3949.0.1047797.00000 của Chi cục thi hành án dân sự 9 phố Đồng Xoài tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước để quản thủ đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của 8 luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ 7 hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Dphải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND 9 phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS TP.Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA 9 phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)